

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA**
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 52i /2024/QĐ-HĐQT

Ngày 17. tháng 9. năm 2024

Sept. 17th, 2024

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

V/v ban hành Chính sách giao dịch với bên liên quan/ Regarding promulgating the Policy on related party transactions.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

BOARD OF DIRECTORS

THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành/ Pursuant to the Enterprise Law;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa/ Pursuant to the Charter of Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp số 52e/2024/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa/ Pursuant to the content of Meeting Minutes No. 52e/2024/BBH-HĐQT dated 17 month 9 2024 of the Board of Directors of Thanh Thanh Cong - Bien Hoa Joint Stock Company.

QUYẾT ĐỊNH/ DECIDE:

- Điều 1. /Article 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này **Chính sách giao dịch với bên liên quan**
/To promulgate the Policy on related party transactions as attached to this Decision.
- Điều 2. /Article 2.** Giao Ủy ban kiểm toán làm đầu mối quản lý và hướng dẫn việc thực hiện, tuân thủ Chính sách này./ *Assign the Audit Committee manage and guide the implementation and compliance with this Policy.*
- Điều 3. /Article 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký/ *This Decision takes effect from the date of signing.*

Thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/ *Members of the Board of Directors and relevant units and individuals are responsible for executing this Decision.*

Nơi nhận/ Recipients:

- HĐQT (để báo cáo)/Board of Directors (to report);
- Ủy Ban Kiểm toán (để biết)/Internal Audit Committee (to know);
- Lưu: TKCT/Archive: Corporate Secretary.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

OBO BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CHAIRLADY

CỔ PHẦN

THÀNH THÀNH CÔNG

- BIÊN HÒA

ĐẶNG HUỖNH ỨC MY





CHÍNH SÁCH GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Mã số: TCBM/CS-01
Soát xét: 01
Hiệu lực: 17/9/2024

1 Mục đích

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa (sau đây viết tắt là “**Công ty**”) nhận thức rằng Giao dịch với Bên liên quan (như định nghĩa dưới đây) có thể mang lại xung đột lợi ích tiềm tàng hoặc thực tế và có thể gây nghi ngờ về việc liệu những giao dịch đó có phù hợp với lợi ích tốt nhất của Công ty và các bên có quyền lợi liên quan của Công ty. Mục đích của chính sách này là xác định các nguyên tắc chỉ đạo mà Công ty cần tuân thủ khi thực hiện mọi giao dịch với các Bên liên quan (như định nghĩa dưới đây). Chính sách này nhằm bảo đảm việc xác định, chấp thuận bởi các bên liên quan, công bố thông tin, và báo cáo một cách phù hợp và kịp thời giao dịch giữa Công ty và mọi Bên liên quan.

2 Phạm vi

- 2.1 Chính sách này cung cấp khuôn khổ cho công tác quản trị và báo cáo về tất cả các Giao dịch với Bên liên quan (GDBLQ). Chính sách này áp dụng đối với tất cả các giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều Bên liên quan.
- 2.2 Chính sách này áp dụng đối với Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”), Ban Điều hành (“**BĐH**”) của Công ty và toàn bộ nhân viên khác của Công ty.
- 2.3 Đối với các công ty con và công ty liên kết của Công ty, đại diện của Công ty trong HĐQT, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty của các đơn vị liên quan sẽ báo cáo về GDBLQ cho HĐQT của Công ty.
- 2.4 Chính sách này hoặc các quy định quan trọng của chính sách này sẽ được phổ biến cho toàn bộ nhân viên đang làm việc trong công ty và những người có liên quan khác của Công ty và sẽ được lưu giữ trên mạng nội bộ và website của Công ty.

3 Trách nhiệm và Thẩm quyền

HĐQT chịu trách nhiệm chung về việc thực hiện chính sách này. Các đơn vị chức năng liên quan thực hiện các vai trò và trách nhiệm quy định tại chính sách này theo phân cấp thẩm quyền của Công ty.

4 Định nghĩa và Tính chất

- 4.1 **Bên liên quan** là (i) Người liên quan được xác định theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2019 và/hoặc (ii) một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc bất kỳ một bên.
- 4.2 **Người liên quan** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - b. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- f. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - g. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - h. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - i. Người quản lý doanh nghiệp;
 - j. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - k. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm f, g, h, i và j khoản này;
 - l. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm f, g, h, i, j, k và khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - m. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 4.3 **Kiểm soát** nghĩa là thẩm quyền chỉ đạo trực tiếp hoặc gián tiếp việc quản lý hoặc chính sách của một tổ chức thông qua sở hữu cổ phần hoặc chứng khoán khác, theo hợp đồng hoặc theo cách khác; và "**kiểm soát**" và "**được kiểm soát**" có ý nghĩa tương đương.
- 4.4 **Một tập đoàn** bao gồm các công ty là một tổ chức kinh tế bao gồm một tập hợp các công ty có quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, vốn góp hoặc thông qua các hình thức liên kết khác trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hay bị kiểm soát lẫn nhau hoặc cùng chịu sự kiểm soát chung.
- 4.5 **Một tổ chức là "công ty con"** của một tổ chức khác và tổ chức khác này được gọi là "công ty mẹ" của tổ chức còn lại nếu tổ chức khác đó: sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, trên 50% cổ phần biểu quyết/vốn góp của tổ chức này; tổ chức đó có quyền ra quyết định một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đối với việc bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi điều lệ của tổ chức này.
- 4.6 **Một tổ chức là "tổ chức liên kết"** của một tổ chức khác nếu tổ chức khác đó sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, một tỷ lệ đáng kể cổ phần biểu quyết/phần vốn góp từ 20 đến 50% của tổ chức trước.
- 4.7 **Một "liên doanh"** là doanh nghiệp chung theo đó hai hoặc nhiều bên đồng kiểm soát và có quyền đối với tài sản ròng của doanh nghiệp đó. Đồng kiểm soát là việc chia sẻ quyền kiểm soát được thống nhất theo hợp đồng đối với một doanh nghiệp, chỉ tồn tại khi quyết định về các hoạt động liên quan cần có đồng thuận của các bên chia sẻ quyền kiểm soát.
- 4.8 **Giao dịch với Bên liên quan ("GDBLQ")** là việc chuyển giao các nguồn lực, dịch vụ hay các nghĩa vụ giữa Công ty và một Bên liên quan, cho dù giao dịch có mức giá như thế nào¹. Các giao dịch này được xác định theo quy định của luật của Việt Nam và tiêu chuẩn của IFRS hoặc các giao dịch đã được xác định là giao dịch của bên liên quan trong báo cáo tài chính của Công ty.
- 4.9 GDBLQ luôn được coi là tình huống dễ gây xung đột lợi ích và phải được rà soát chặt chẽ.

¹ Tham chiếu quốc tế được công nhận rộng rãi về định nghĩa GDBLQ theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và định nghĩa IAS24

4.10 Dưới đây là các mục đích chung và mục đích cụ thể gắn với GDBLQ:

- a. Tất cả các GDBLQ phải tuân thủ các điều khoản và điều kiện khách quan của thị trường, bao gồm nhưng không giới hạn giá trị và thời điểm của giao dịch tương ứng. Tất cả các GDBLQ phải được rà soát chặt chẽ và tuân thủ quy trình chấp thuận (hoặc bác bỏ) và được công bố công khai.
- b. Bất kỳ GDBLQ của Công ty phải là giao dịch khách quan, và nên tránh cả trường hợp có khả năng xảy ra xung đột lợi ích. Nếu GDBLQ dẫn tới việc phân loại hoặc phát sinh tổn thất, Công ty phải đánh giá các yếu tố kiểm soát, rà soát vị trí của Bên liên quan tương ứng trong Công ty và vị thế của Công ty đối với giao dịch.
- c. Phải có hồ sơ tài liệu cụ thể hoặc thỏa thuận chi tiết về GDBLQ, cả đối với trường hợp giao dịch định kỳ/ một lần.

5 Tuân thủ các yêu cầu của luật pháp và cơ quan quản lý

Chính sách này nhằm tuân thủ các yêu cầu của luật pháp và cơ quan quản lý, bao gồm:

5.1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, bao gồm:

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật này và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

- c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
- d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

5.2 Điều 291, 292, 293 và 294 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty, cụ thể:

Điều 291. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp và Điều khoản tương ứng tại Điều lệ Công ty

- i. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- iii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- iv. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- v. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5.3 Điều 292. Giao dịch với người có liên quan và Điều khoản tương ứng tại Điều lệ Công ty

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty đại chúng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

5.4 Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này và Điều khoản tương ứng tại Điều lệ Công ty

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho (i) cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân; và (ii) cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.;
3. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
Riêng trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, thuộc thẩm quyền thông qua bởi Hội đồng quản trị.
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng sau (i) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát

sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, đối tượng có liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. *Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, đối tượng có liên quan đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan..”*

5.5 Các quy định khác có liên quan theo quy định của Pháp luật Việt Nam và IFRS.

6. Rà soát và Chấp thuận

- 6.1 HĐQT sẽ phân biệt giữa những GDBLQ không trọng yếu và có tác động tương đối không đáng kể đối với Công ty và những GDBLQ trọng yếu và có tầm quan trọng và tác động lớn hơn. Ngưỡng trọng yếu đối với Công ty là 5% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất (“**Ngưỡng trọng yếu**”). Để làm rõ, Ngưỡng trọng yếu không áp dụng với các giao dịch với Bên liên quan được xác định theo quy định pháp luật. Các GDBLQ theo quy định pháp luật được rà soát và chấp thuận bởi HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm.
- 6.2 GDBLQ dưới Ngưỡng trọng yếu phải được chấp thuận (không chấp thuận) trong quá trình hoạt động bình thường của Ban điều hành (BDH), tuân thủ chính sách này và phân cấp thẩm quyền của Công ty, báo cáo với HĐQT số liệu tổng hợp hàng quý và hàng năm báo cáo cho cổ đông trong báo cáo tài chính.
- a. BDH phải nhận thức được về các loại rủi ro khác nhau có thể phát sinh từ những hoạt động này, như rủi ro tuân thủ và rủi ro danh tiếng.
- b. Việc không lập kế hoạch và quản lý GDBLQ một cách đầy đủ có thể dẫn tới các trường hợp vi phạm quy định của cơ quan quản lý nhà nước, và do đó có thể ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng và cạnh tranh của Công ty cả trong ngắn và dài hạn.
- 6.3 GDBLQ trên Ngưỡng trọng yếu phải được báo cáo cho Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT để rà soát và có kiến nghị rõ ràng lên HĐQT để chấp thuận như sau:
- a. Tất cả các GDBLQ có giá trị trên Ngưỡng trọng yếu và dưới 10% doanh thu hợp nhất hàng năm của Công ty theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất sẵn có sẽ do HĐQT chấp thuận (từ chối), nhưng phải phù hợp với Điều lệ công ty, Pháp luật và các quy định của Việt Nam, nếu được yêu cầu.

- b. Tất cả các GDBLQ có giá trị trên 10% doanh thu hợp nhất hàng năm của Công ty theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất sẵn có sẽ do Đại hội đồng **Cổ đông** chấp thuận (từ chối), nhưng phải phù hợp với Điều lệ công ty, Pháp luật và các quy định của Việt Nam, nếu được yêu cầu.
- 6.4 Khi xem xét bất kỳ GDBLQ nào, Ủy ban Kiểm toán phải xem xét tất cả các thông tin thực tế và hoàn cảnh liên quan, trong đó có điều khoản của giao dịch, mục đích kinh doanh của giao dịch, lợi ích đối với Công ty và Bên liên quan, và bất kỳ vấn đề có liên quan nào khác.
- 6.5 Trước khi chấp thuận bất kỳ GDBLQ nào, cấp có thẩm quyền phải xem xét các yếu tố sau ở mức độ phù hợp với giao dịch:
- a. Liệu điều khoản của giao dịch đó có theo đúng điều khoản hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, công bằng đối với Công ty và tuân thủ nguyên tắc điều kiện khách quan của thị trường (bao gồm nhưng không giới hạn giá trị và thời điểm của giao dịch tương ứng);
 - b. Liệu có lý do bắt buộc về kinh doanh để Công ty phải thực hiện giao dịch đó và sự sẵn có, tính chất và chi phí cơ hội của giao dịch thay thế, nếu có;
 - c. Liệu có rủi ro danh tiếng tiềm tàng có thể phát sinh cho Công ty do hoặc có liên quan đến giao dịch đó;
 - d. Liệu giao dịch đó có ảnh hưởng đến sự độc lập của một Thành viên HĐQT độc lập; và
 - e. Liệu giao dịch đó có gây xung đột lợi ích cho bất kỳ Thành viên HĐQT, hoặc lãnh đạo cấp cao nào của Công ty, có tính đến quy mô của giao dịch, tình hình tài chính chung của người đó hoặc Bên liên quan khác, tính chất trực tiếp hoặc gián tiếp của lợi ích trong giao dịch do người đó hoặc Bên liên quan khác nắm giữ và tính chất thường xuyên của mọi mối quan hệ được đề xuất và mọi yếu tố khác mà cấp có thẩm quyền liên quan cho là phù hợp.
- 6.6 Khi xem xét tính khách quan thị trường đối với giao dịch, cấp có thẩm quyền liên quan phải cân nhắc các sự kiện và hoàn cảnh, như những nội dung sau đây:
- a. Giao dịch có ý nghĩa về mặt thương mại đối với Công ty hay không?
 - b. Giao dịch có được ký kết theo điều khoản và điều kiện (bao gồm nhưng không giới hạn giá trị và thời điểm của giao dịch tương ứng) không thuận lợi hơn những giao dịch đối với các bên thứ ba trong hoàn cảnh tương tự?
 - c. Có quy trình đấu thầu hoặc đàm phán được quản lý minh bạch và phù hợp?
 - d. Phương pháp luận để định giá hoặc xác định mức giá phù hợp có hợp lý?
 - e. Quy mô lợi ích của Bên liên quan trong giao dịch có hợp lý và giải thích được không?
 - f. Thời gian thực hiện giao dịch có lợi cho Công ty hay không?
 - g. Quy định hoặc giới hạn do Công ty áp dụng đối với giao dịch có đủ không?
 - h. Rủi ro của giao dịch đối với Công ty có được đánh giá phù hợp?
- 6.7 Ủy ban Kiểm toán, trong khuôn khổ nhiệm vụ và chức năng của mình theo quy định của Ủy ban Kiểm toán, có thể tham khảo ý kiến của chuyên gia pháp lý/ chuyên gia chuyển giá độc lập khi cần thiết để đánh giá GDBLQ.

	CHÍNH SÁCH GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN	Mã số: TCBM/CS-01 Soát xét: 01 Hiệu lực: <i>A/g</i> /2024
---	--	--

6.8 Trường hợp Ủy ban Kiểm toán xác định một GDBLQ đã được thực hiện nhưng chưa được chấp thuận, Ủy ban Kiểm toán đề nghị Cấp có thẩm quyền ngừng ngay lập tức và hủy bỏ giao dịch đó.

7. Báo cáo, Hồ sơ, và Công bố Thông tin

7.1 Tất cả các Bên liên quan và GDBLQ phải được ghi nhận, và hồ sơ phải được lưu trữ và cập nhật thường xuyên. Những hồ sơ này phải bao gồm những thông tin tối thiểu sau đây:

- a. Ngày giao dịch;
- b. Mô tả giao dịch;
- c. Phương pháp được sử dụng để tính giá trị giao dịch;
- d. Tần suất thực hiện, nếu là giao dịch định kỳ;
- e. Ngày phê duyệt; và
- f. Thông tin liên quan sự hợp lý của chi phí, thẩm định, ... được sử dụng để có được giá trị giao dịch.

7.2 Trong trường hợp dự kiến thực hiện một GDBLQ cao hơn Ngưỡng trọng yếu, BDH phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản để Ủy ban Kiểm toán thực hiện rà soát và mô tả chi tiết về giao dịch dự kiến, bao gồm nhưng không giới hạn:

- a. Xác định Bên liên quan tương ứng;
- b. Tính chất và giá trị ước tính của giao dịch;
- c. Bảng chứng để chứng minh tính khách quan thị trường (bao gồm nhưng không giới hạn giá trị và thời điểm của giao dịch tương ứng) của giao dịch đề xuất, bao gồm điều khoản và cách thức thu xếp giao dịch nếu các bên không có liên quan; và
- d. Bất kỳ thông tin nào khác mà Ủy ban Kiểm toán có thể yêu cầu liên quan đến giao dịch hoặc Bên liên quan mà có thể trọng yếu đối với các bên có quyền lợi liên quan.

7.3 Trong trường hợp có bất kỳ Thành viên HĐQT hay cán bộ điều hành cấp cao nào của Công ty nhận thức được về GDBLQ chưa được chấp thuận hoặc phê chuẩn theo chính sách này, giao dịch đó cần phải ngay lập tức được thông báo cho Ủy ban Kiểm toán để rà soát. Ủy ban Kiểm toán phải cân nhắc tất cả các thông tin thực tế và hoàn cảnh liên quan mà Ủy ban Kiểm toán có được, và có thể:

- a. Nếu giao dịch còn chưa thực hiện hoặc đang diễn ra: thông qua hoặc kiến nghị lên cấp có thẩm quyền phù hợp để sửa đổi hoặc chấm dứt giao dịch;
- b. Nếu giao dịch đã hoàn thành: thông qua hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền phù hợp hủy bỏ giao dịch; và
- c. Trong mỗi trường hợp, yêu cầu một hoặc nhiều cán bộ điều hành cấp cao hoặc Kiểm toán Nội bộ hoặc Kiểm toán Độc lập của Công ty đánh giá kiểm soát nội bộ và quy trình của Công ty để xác định lý do tại sao giao dịch lại chưa được gửi cho Ủy ban kiểm toán để chấp thuận trước và báo cáo về việc có kiến nghị thay đổi đối với việc kiểm soát nội bộ và quy trình của Công ty.

	CHÍNH SÁCH GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN	Mã số: TCBM/CS-01 Soát xét: 01 Hiệu lực: 19/9/2024
---	---	--

Để bảo đảm rõ ràng, quy định này chỉ áp dụng cho các giao dịch được thực hiện sau ngày hiệu lực của Chính sách này.

7.4 Tất cả các GDBLQ sẽ được công bố như sau:

- a. Hàng quý, Ban Điều hành sẽ báo cáo về GDBLQ lên HĐQT trong báo cáo quý gửi HĐQT
- b. Công ty sẽ công bố các GDBLQ theo quy định pháp luật và cập nhật thông tin GDBLQ trong báo cáo tài chính theo các yêu cầu tại IAS 24.

7.5 Tất cả các công bố/ báo cáo phải được thực hiện riêng cho mỗi nhóm Bên liên quan (vd: công ty con, liên doanh, v.v...) và thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và IFRS.

8. Xung đột

- a. Thành viên HĐQT và BDH không được có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp trong hợp đồng, dự án, hoặc công việc được thực hiện thay mặt Công ty. Những người này phải công bố mọi GDBLQ tiềm tàng mà họ hoặc thành viên trong gia đình là Bên liên quan ngay khi được biết về giao dịch.
- b. Bất kỳ cá nhân nào có xung đột lợi ích, hoặc tham gia hoặc hưởng lợi từ GDBLQ, sẽ không tham gia thảo luận, quyết định hoặc biểu quyết về giao dịch đó.

9. Rà soát và Cập nhật Chính sách

- 9.1 Kiểm toán Nội bộ sẽ rà soát sự đầy đủ trong quy trình của Công ty để xác định, quản lý, và báo cáo GDBLQ. Kiểm toán Nội bộ phải trực tiếp báo cáo mọi lo ngại liên quan đến GDBLQ hoặc khung quản lý GDBLQ của Công ty cho Ủy ban Kiểm toán.
- 9.2 Đơn vị Kiểm toán Độc lập cũng phải rà soát GDBLQ và cung cấp quan điểm về các giao dịch này cho Ủy ban Kiểm toán.
- 9.3 Việc sửa đổi chính sách này là phương thức chính để thực hiện và truyền thông các thay đổi có thể phát sinh để đáp ứng các nhu cầu và yêu cầu thay đổi của Công ty. Chính sách này phải được rà soát tối thiểu hàng năm để HĐQT cập nhật. Mọi nhân viên đều được phép kiến nghị thay đổi đối với Chính sách này thông qua quy trình và cấp thẩm quyền báo cáo trực tiếp phù hợp. Mọi thay đổi, bổ sung hoặc xóa bỏ đối với Chính sách phải được ghi nhận phù hợp và được ủy quyền/chấp thuận trước khi thực hiện.

10. Hiệu lực của Chính sách

- 10.1 Chính sách này có hiệu lực ngay sau khi ban hành.
- 10.2 Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản của chính sách này và các luật và quy định khác, các điều khoản của các luật và quy định đó sẽ được áp dụng thay cho chính sách này.



